

Số: 1240/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Thanh Xuân.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2023 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 412/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 17/01/2023, Tờ trình bổ sung 1056/TTrBS-STNMT-QHKHSDĐ ngày 23/02/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Thanh Xuân (Kèm theo Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tỷ lệ 1/5.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận Thanh Xuân, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 23 tháng 02 năm 2023), với các nội dung chủ yếu như sau:

a) Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2023:

STT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính		917,35	100,00

1	Đất nông nghiệp	NNP	7,31	0,79
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	
1.2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	7,31	0,79
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	904,01	98,55
2.1	Đất quốc phòng	CQP	75,00	8,18
2.2	Đất an ninh	CAN	10,22	1,11
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,92	1,41
2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	SKC	66,74	7,27
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	261,97	28,56
	<i>Trong đó</i>			
-	Đất giao thông	DGT	188,80	20,58
-	Đất thủy lợi	DTL	0,52	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,65	0,51
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,76	0,41
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,36	5,05
-	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	1,07	0,12
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,10	0,23
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,00	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,62	0,18
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,13	0,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,90	0,21
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	6,92	0,75
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,38	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,06	0,22
-	Đất chợ	DCH	1,70	0,19
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,22	0,24
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,45	1,36
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,00	0,00
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	394,58	43,01
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,07	1,10
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DSN	5,73	0,62
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,74	0,19
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	16,46	1,79
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	33,07	3,60
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,85	0,09
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6,03	0,66

b) Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2023:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đất
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	2,78
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,78
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,45
2.1	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	SKC	0,13
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	
2.3	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.4	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,03
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	1,29
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,76
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1,76

c) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đất
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	2,78
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,78
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,33

d) Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đất (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,76
2.1	Đất ở tại đô thị	ODT	1,76
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.3	Đất quốc phòng	CQP	-
2.4	Đất an ninh	CAN	-
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	-

e) Danh mục các công trình, dự án:

Danh mục các công trình, dự án nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 kèm theo (16 dự án với tổng diện tích 14,84 ha).

2. Trong năm thực hiện, UBND quận Thanh Xuân có trách nhiệm rà soát, đánh giá, khả năng thực hiện các dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, trường hợp trong năm thực hiện kế hoạch, phát sinh các công trình, dự án đủ cơ sở pháp lý, khả năng thực hiện, UBND quận Thanh Xuân tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND Thành phố phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất để làm căn cứ tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND Thành phố giao:

1. UBND quận Thanh Xuân:

a) Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thực hiện thu hồi đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

c) Tổ chức kiểm tra thực hiện kế hoạch sử dụng đất; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

d) Cân đối xác định các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, chặt chẽ, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất đã được UBND Thành phố phê duyệt;

e) Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trước ngày 15/9/2023.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; thường xuyên cập nhật các công trình, dự án (đủ điều kiện) trình UBND Thành phố phê duyệt bổ sung danh mục kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định.

c) Tổng hợp báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thành phố đến ngày 01/10/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thanh Xuân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *10* *2* *1*

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP Cù Ngọc Trang, P.TNMT;
- Lưu VT.

8830-5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích đất (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh quận	Địa danh phường	
A	Các dự án nằm trong Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố								
I	Các dự án nằm trong Biểu 1A								
I.1	Dự án có trong Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND Thành phố								
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng KT xung quanh Hồ Rẻ Quạt	DGT	UBND quận Thanh Xuân	1,53		0,68	Quận Thanh Xuân	Phường Hạ Đình, Thanh Xuân Trung	- Các Quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; số 1803/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND quận Thanh Xuân phê duyệt dự án đầu tư XD. - Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND q.Thanh Xuân điều chỉnh thời gian thực hiện DA (thời gian từ 2016-2022).
2	ĐTXD ngách 168/21 và hẻm 168/21/2 Nguyễn Xiển	DGT	UBND quận Thanh Xuân	0,21		0,07	Quận Thanh Xuân	Phường Hạ Đình	- Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; số 4944/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND quận TX phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư. - Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND quận TX phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện DA (thời gian từ 2016-2022).
3	Xây dựng mới trường mầm non công lập tại phường Phương Liệt	DGD	UBND quận Thanh Xuân	0,3		0,3	Quận Thanh Xuân	Phường Phương Liệt	- Văn bản số 696/UBND-QLĐT ngày 15/5/2020 của UBND q.Thanh Xuân chấp thuận TMB&PAKT sơ bộ DA. - QĐ 2538/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND quận Thanh Xuân phê duyệt dự án đầu tư (thời gian từ 2020-2023).

[illegible]

III	Các dự án nằm trong Biểu 2									
III.1	Dự án có trong Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND Thành phố									
9	Nhà tang lễ quận Thanh Xuân	NTD	Công ty cổ phần Hồn Đất Việt	2,30		2,30	Quận Thanh Xuân	Phường Khương Đình	- Văn bản chấp thuận TMB và PAKT số 2700/QHKT-TMB-PAKT (P2) ngày 24/5/2016 của Sở QHKT.- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 4959/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND TP (thời gian từ Quý IV/2021 - Quý IV/2023).	
10	Xây dựng Khu đô thị mới Phùng Khoang trên địa bàn phường Nhân Chính	ODT	Tổng Cty ĐT&PT nhà HN và liên danh	0,59		0,59	Quận Thanh Xuân	Phường Nhân Chính	- Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND ngày 26/01/2007 của UBND TP phê duyệt Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500. - Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND TP cho phép ĐT dự án xây dựng KĐT mới Phùng Khoang. - Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND TP chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án (thời gian hoàn thành Quý IV/2024).	
11	Khu đô thị mới Hạ Đình	ODT	Công ty CP xây dựng lắp máy điện nước Hà Nội	1,2		0,64	Quận Thanh Xuân	Phường Hạ Đình	- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000042 ngày 31/5/2007 của UBND Thành phố; - Văn bản số 6387/QHKT-TMB-PAKT(P2) ngày 26/10/2016 của Sở QHKT. - Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND TP chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (thời gian hoàn thành Quý III/2024).	
IV	Các dự án nằm trong Biểu 3									
B	Các dự án nằm ngoài các Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố									
12	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng, công trình quân sự của Quân chủng PK-KQ theo hình thức hợp đồng BT	ODT	LD Công ty CP Him Lam thủ đô và Công ty CP Him Lam	3,29			Quận Thanh Xuân	Phường Khương Mai, Phường Liệt	- Văn bản số 140/TTg-KTN ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương lập dự án. - Văn bản số 1968/UBND-QHKT ngày 05/4/2016 của UBND TP về Quy hoạch chi tiết 1/500.- Quyết định số 1471/QĐ-BTL ngày 29/4/2016 của Bộ Tư lệnh PK - KQ về việc phê duyệt QH điều chỉnh chi tiết một phần khu vực sân bay Bạch Mai.- Quyết định số 3604/QĐ-BQP ngày 19/11/2020 của BQP về việc phê duyệt Báo cáo NC khả thi; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn, lựa chọn nhà đầu tư DA.- Quyết định số 1084/QĐ-BQP ngày 16/4/2021 của Bộ Quốc phòng phê duyệt KQ lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.	

13	Đầu tư xây dựng công trình thuộc ô đất A12 - Nguyễn Xiển	ODT	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Hào Nam và LD	1,50			Quận Thanh Xuân	Phường Kim Giang	- Số 4712/QHKT-TMB(KHTH) ngày 19/7/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc. - Số 3775/UBND-ĐT ngày 03/8/2017 của UBND Thành phố về việc triển khai đầu tư tại ô đất quy hoạch ký hiệu A12 phường Kim Giang, quận Thanh Xuân và phường Đại Kim, quận Hoàng Mai. - Số 551/STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/01/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xác định ranh giới khu đất để thực hiện thủ tục thỏa thuận mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất.
14	Xây dựng cơ sở làm việc Công an phường Thanh Xuân Trung	CAN	Công an thành phố Hà Nội	0,03			Quận Thanh Xuân	Phường Thanh Xuân Trung	Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND TP thu hồi cơ sở nhà đất tại số 314, 316, 318 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân do Công ty CP Xà phòng HN quản lý, sử dụng; giao cho UBND quận Thanh Xuân quản lý, lập phương án sử dụng theo quy định.
15	Xây dựng mới trạm 220/110kV Thanh Xuân	DLN	Ban QLDA phát triển điện lực HN	0,14			Quận Thanh Xuân	Phường Nhân Chính	- Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND TP phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH phân khu H2-2 tại ô QH K4-3.- Thông báo 32/TB-VP ngày 21/01/2022 của VP UBND Thành phố thông báo KL của Phó Chủ tịch UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền.
16	Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc và nhà ở để bán	ODT	Công ty cổ phần Động Lực	0,32			Quận Thanh Xuân	Phường Hạ Đình	Giấy chứng nhận đầu tư số 011211001064 ngày 03/02/2017 của UBND Thành phố. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 4297/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND Thành phố (Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành Quý II/2024).
Tổng cộng (16 dự án)				14,84					

